



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 40

777  
HI M  
DŨN  
NHII  
M T  
AN J  
UỒ  
P.H.  
HTT

AN. C  
X  
PHU



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Ông Ngô Đình Thành	Phó Chủ tịch
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Phạm Vũ Thức	Thành viên
Ông Mai Thanh Trúc	Thành viên
Ông Hồ Đắc Hậu	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Vũ Thức	Tổng Giám đốc
Ông Phùng Văn Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trường Thanh	Phó Tổng Giám đốc

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Vũ Thức  
Tổng Giám đốc







**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

MẪU SỐ B 01a-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.235.777.840.530</b>	<b>1.093.459.794.646</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>1.499.367.999</b>	<b>27.225.375.665</b>
1. Tiền	111		1.499.367.999	25.980.237.725
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	1.245.137.940
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>161.001</b>	<b>161.001</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		161.001	161.001
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>846.222.791.489</b>	<b>724.358.120.000</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	150.754.983.005	215.165.928.270
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	154.231.575.139	208.363.247.690
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	406.512.627.959	175.070.876.025
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.a	137.024.727.008	128.059.189.637
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(2.301.121.622)	(2.301.121.622)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>386.741.828.987</b>	<b>336.946.955.920</b>
1. Hàng tồn kho	141		386.741.828.987	336.946.955.920
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.313.691.054</b>	<b>4.929.182.060</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	120.773.964	142.083.741
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.192.917.090	4.787.098.319
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>298.575.192.232</b>	<b>124.305.771.848</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>4.173.020.841</b>	<b>17.865.864.841</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	9.b	4.173.020.841	17.865.864.841
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>39.297.524.170</b>	<b>26.757.478.806</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	9.469.187.805	6.846.839.461
- Nguyên giá	222		24.886.138.252	21.066.138.252
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.416.950.447)	(14.219.298.791)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	14	29.783.368.339	19.855.671.319
- Nguyên giá	225		33.309.876.347	21.672.603.620
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(3.526.508.008)	(1.816.932.301)
3. Tài sản cố định vô hình	227	15	44.968.026	54.968.026
- Nguyên giá	228		160.000.000	160.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(115.031.974)	(105.031.974)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>16</b>	<b>4.997.156.733</b>	<b>5.284.084.812</b>
- Nguyên giá	231		5.836.987.368	6.879.035.896
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(839.830.635)	(1.594.951.084)
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>17</b>	<b>232.610.000.000</b>	<b>57.410.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251 <sup>+</sup>	17.a	112.610.000.000	57.410.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	17.b	120.000.000.000	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>17.497.490.488</b>	<b>16.988.343.389</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	17.497.490.488	16.988.343.389
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.534.353.032.762</b>	<b>1.217.765.566.494</b>
(270 = 100 + 200)				







**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN** (tiếp theo)  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

MẪU SỐ B 01a-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.036.941.440.302</b>	<b>752.673.986.514</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.021.886.839.902</b>	<b>741.861.661.775</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	97.903.132.615	59.171.424.551
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	165.281.981.676	126.531.678.934
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	8.778.225.554	3.224.482.537
4. Phải trả người lao động	314		1.832.644.989	1.906.486.113
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	2.142.218.210	1.483.386.683
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	7.800.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	22	215.986.265.932	46.740.221.190
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23.a	527.075.890.920	495.003.981.767
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.886.480.006	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>15.054.600.400</b>	<b>10.812.324.739</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23.b	15.054.600.400	10.812.324.739
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>497.411.592.460</b>	<b>465.091.579.980</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>24</b>	<b>497.411.592.460</b>	<b>465.091.579.980</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		415.000.000.000	415.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		415.000.000.000	415.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		400.000.000	400.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.846.091.240	6.491.138.089
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		70.165.501.220	43.200.441.891
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		29.813.059.013	538.776.665
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		40.352.442.207	42.661.665.226
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300 + 400)	<b>440</b>		<b>1.534.353.032.762</b>	<b>1.217.765.566.494</b>

  
Nguyễn Thị Khánh Phương  
Người lập biểu  
Ngày 15 tháng 8 năm 2017

  
Bùi Xuân Phước  
Kế toán trưởng

  
Phạm Vũ Thức  
Tổng Giám đốc





**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017

MẪU SỐ B 02a-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến	Từ 01/01/2016 đến
			30/06/2017	30/06/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	333.698.046.327	364.413.507.501
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		333.698.046.327	364.413.507.501
4. Giá vốn hàng bán	11	26	272.222.883.119	322.501.014.059
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		61.475.163.208	41.912.493.442
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	20.099.113.175	24.808.298.690
7. Chi phí tài chính	22	28	20.855.269.821	17.886.168.026
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		20.855.269.821	17.886.168.026
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	10.658.837.248	7.580.506.811
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		50.060.169.314	41.254.117.295
10. Thu nhập khác	31	30	38.516.582	31.820.160
11. Chi phí khác	32	31	733.138.478	401.763.274
12. Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		(694.621.896)	(369.943.114)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		49.365.547.418	40.884.174.181
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	32	9.013.105.211	6.151.228.882
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		40.352.442.207	34.732.945.299

Nguyễn Thị Khánh Phương  
Người lập biểu  
Ngày 15 tháng 8 năm 2017

Bùi Xuân Phước  
Kế toán trưởng



Phạm Vũ Thức  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017

MẪU SỐ B 03a-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2017 đến	Từ 01/01/2016 đến
		30/06/2017	30/06/2016
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>49.365.547.418</b>	<b>40.884.174.181</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	2.921.599.863	3.007.012.545
Các khoản dự phòng	03	-	2.597.999
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(19.816.557.596)	(24.808.298.690)
Chi phí lãi vay	06	20.855.269.821	17.886.168.026
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>53.325.859.506</b>	<b>36.971.654.061</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	143.869.645.025	(42.075.697.909)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(49.794.873.067)	64.288.411.908
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(10.690.003.157)	(83.918.719.900)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(487.837.322)	(1.866.800.444)
Tiền lãi vay đã trả	14	(19.723.315.702)	(22.715.138.658)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.326.449.633)	(21.696.130.283)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(350.666.666)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>113.173.025.650</b>	<b>(71.363.087.891)</b>

17  
CH  
CỔ  
NI  
MIN  
H  
PH  
T

A.C.T.H.M.V.

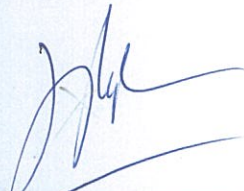


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ** (tiếp theo)  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017

MẪU SỐ B 03a-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(669.250.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(354.000.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.483.030.439	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	1.000.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.385.518.724	23.556.936.455
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(346.131.450.837)</b>	<b>22.887.686.455</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	937.681.016.670	829.189.230.098
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(724.630.495.477)	(574.131.427.103)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(5.818.103.672)	(2.098.259.406)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(8.420.425.949)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>207.232.417.521</b>	<b>244.539.117.640</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(25.726.007.666)</b>	<b>196.063.716.204</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>27.225.375.665</b>	<b>179.010.304.540</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>1.499.367.999</b>	<b>375.074.020.744</b>

  
Nguyễn Thị Khánh Phương  
Người lập biểu  
Ngày 15 tháng 8 năm 2017

  
Bùi Xuân Phước  
Kế toán trưởng



Phạm Vũ Thức  
Tổng Giám đốc

712  
NH  
NG  
HỆM  
TOÁ  
TÀI  
C  
V  
H

M.S.D.N



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

MẪU SỐ B 09A-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304200346 cấp lần đầu ngày 19 tháng 1 năm 2006 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh và qua các lần thay đổi.

Vốn điều lệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 415 tỷ VND, được chia thành 41,5 triệu cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017: 147 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 128).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Xây dựng, kinh doanh, chuyển giao công nghệ công trình giao thông theo hình thức hợp đồng B.O.T; xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; công trình công ích; cho thuê máy móc, thiết bị; khai thác cát, đá, sỏi, đất sét; sản xuất bê tông và các thành phẩm từ xi măng, thạch cao; tư vấn kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; sản xuất vật liệu xây dựng, gia công dầm cầu thép, cấu kiện thép, sản phẩm cơ khí khác; sửa chữa máy móc, thiết bị thi công; phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng và các ngành nghề khác được quy định trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là thi công xây lắp, mua bán vật tư xây dựng, cho thuê máy móc thiết bị.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong kỳ**

Vào ngày 20 tháng 2 năm 2017, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 99,81% cổ phần của Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia từ Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII theo hợp đồng chuyển nhượng đã ký ngày 06 tháng 10 năm 2014.

Ngày 18 tháng 5 năm 2017, Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (“CII”) đã thực hiện thành công giao dịch mua 830.000 cổ phần của Công ty, nâng tỷ lệ sở hữu từ 49% lên 51%, do đó Công ty trở thành công ty con của CII kể từ ngày này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

MÃ SỐ B 09-DN

**Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty đang đầu tư vào các công ty con sau:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
<b>Công ty con</b>				
1. Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	100%	100%	Khai thác, sản xuất kinh doanh các loại đất, đá
2. Công ty TNHH MTV Xây dựng dân dụng CII E&C	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
3. Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Xây dựng công trình kỹ thuật
4. Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia	Tp. Hồ Chí Minh	99,81%	99,81%	Sản xuất, lắp đặt thiết bị điện; kinh doanh bất động sản

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp của Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

***Ghi nhận ban đầu***

***Tài sản tài chính:*** Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

***Công nợ tài chính:*** Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Đầu tư vào công ty con***

Các công ty được xem là công ty con của Công ty khi Công ty nắm quyền kiểm soát tại các công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đó.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

***Nợ phải thu***

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành

***Hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

***Tài sản cố định hữu hình và khấu hao***

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao** (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	8 - 12
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị của phần mềm máy tính, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian tương tự với tài sản Công ty sử dụng.

Bất động sản đầu tư chờ tăng giá không được trích khấu hao.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước của Công ty bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, ... và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản phải trả khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ. Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập báo cáo tài chính riêng.

**Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Điều lệ của Công ty



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**Ghi nhận giá vốn**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	154.220.349	922.285
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.345.147.650	25.979.315.440
Các khoản tương đương tiền	-	1.245.137.940
<b>Cộng</b>	<b>1.499.367.999</b>	<b>27.225.375.665</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu các bên liên quan (i)	97.067.009.230	127.859.290.580
Phải thu các khách hàng khác	53.687.973.775	87.306.637.690
Ban Quản lý Dự án đường Hồ Chí Minh	14.847.188.802	17.579.940.802
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	8.700.631.144	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại 592	7.002.023.268	7.002.023.268
Công ty TNHH Xây dựng Nền móng Tam Đạt	5.167.141.868	9.080.796.341
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Sơn Long Thuận	4.438.179.320	4.438.179.320
Ban Quản lý Dự án Giao thông Nông thôn Vĩnh Long	3.359.003.754	6.359.003.754
Lê Văn Lam	-	6.178.356.231
Công ty Cổ phần Teracons	-	5.879.774.599
Phải thu các khách hàng khác	10.173.805.619	30.788.563.375
<b>Cộng</b>	<b>150.754.983.005</b>	<b>215.165.928.270</b>
<b>(i) Chi tiết phải thu các bên liên quan</b>		
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn	39.933.292.594	73.620.073.257
Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân Dụng CII E&C	26.388.359.994	-
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	18.547.617.040	666.037.105
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	6.422.419.455	-
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	-	49.018.200.071
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng CII E&C	3.281.394.963	1.958.994.963
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	1.280.288.994	1.280.288.994
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	732.240.000	840.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng cầu Sài Gòn	475.696.190	475.696.190
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia	5.700.000	-
<b>Cộng</b>	<b>97.067.009.230</b>	<b>127.859.290.580</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trả trước cho các bên liên quan (i)	86.720.678.891	149.741.493.824
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại 592	25.744.135.565	26.927.270.540
Công ty TNHH Xây dựng Nền móng Tam Đạt	29.583.435.037	24.078.730.487
Các đối tượng khác	12.183.325.646	7.615.752.839
<b>Cộng</b>	<b>154.231.575.139</b>	<b>208.363.247.690</b>

*(i) Chi tiết trả trước cho các bên liên quan*

Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng CII E&C	58.456.858.594	51.308.947.077
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	28.228.270.297	20.928.270.297
Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia		2.553.351.450
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	35.550.000	35.550.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân Dụng CII E&C	-	74.898.875.000
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Hạ Tầng	-	16.500.000
<b>Cộng</b>	<b>86.720.678.891</b>	<b>149.741.493.824</b>

**8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	406.512.627.959	175.070.876.025

Đây là khoản hỗ trợ vốn cho Công ty mẹ được thực hiện theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ký ngày 22 tháng 10 năm 2016. Lãi suất cho vay được áp dụng theo lãi suất cao nhất trong năm của tổ chức tín dụng mà Công ty có giao dịch vay. Lãi suất được hưởng hiện tại là 7,5%/năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**9. PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a. Phải thu ngắn hạn</b>		
Tạm ứng vốn cho các đội thi công các công trình xây dựng	58.616.673.452	33.148.333.927
Ký cược, ký quỹ	31.150.560.506	1.450.560.506
Cổ tức, lợi nhuận phải thu	19.001.486.701	2.599.994.417
Các khoản chi hộ	8.683.387.202	7.387.740.349
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi hoạt động cho vay và đầu tư trái phiếu	7.243.289.753	-
Thuế GTGT chờ kê khai của TSCĐ thuê tài chính	2.416.050.570	1.614.615.226
Phải thu người lao động	1.180.641.749	762.604.798
Góp vốn hợp tác kinh doanh	711.872.739	79.091.362.698
Phải thu chi phí sử dụng dụng vốn được hưởng từ nhà thầu	7.500.000.000	-
Các khoản phải thu khác	520.764.336	2.003.977.716
	<b>137.024.727.008</b>	<b>128.059.189.637</b>
<b>b. Phải thu dài hạn</b>		
Ký cược, ký quỹ	4.173.020.841	17.865.864.841
	<b>4.173.020.841</b>	<b>17.865.864.841</b>
<b>Cộng các khoản phải thu</b>	<b>141.197.747.849</b>	<b>145.925.054.478</b>
<i>Trong đó, phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia	15.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	4.001.486.701	2.576.474.417
Công ty TNHH MTV Vật Liệu Xây Dựng CII E&C	91.927.988	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	-	78.000.000.000
	<b>19.093.414.689</b>	<b>80.576.474.417</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**10. NỢ XẤU**

	30/06/2017			01/01/2017			Đối tượng nợ
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian	
	VND	VND	quá hạn	VND	VND	quá hạn	
Phải thu giá trị thi công công trình	1.234.021.590	-	>3 năm	1.234.021.590	-	>3 năm	Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Công trình Quận 8
Phải thu giá trị thi công công trình	257.385.076	77.215.523	2-3 năm	257.385.076	77.215.523	1-2 năm	Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình huyện Hóc Môn
Phải thu giá trị thi công công trình	1.267.043.542	380.113.063	2-3 năm	1.267.043.542	380.113.063	1-2 năm	Khu Quản Lý Giao Thông Đô Thị Số 3
<b>Cộng</b>	<b>2.758.450.208</b>	<b>457.328.586</b>		<b>2.758.450.208</b>	<b>457.328.586</b>		
<b>Giá trị đã lập dự phòng</b>		<b>2.301.121.622</b>			<b>2.301.121.622</b>		



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**11. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	57.308.679.747	-	60.278.358.363	-
Chi phí thi công các công trình xây dựng dở dang	329.433.149.240	-	276.668.597.557	-
<i>Công trình thi công hạ tầng khu đô thị Thủ Thiêm</i>	<i>149.109.150.421</i>	<i>-</i>	<i>161.178.043.530</i>	<i>-</i>
<i>Công trình thi công đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận</i>	<i>71.833.000.116</i>	<i>-</i>	<i>54.526.279.948</i>	<i>-</i>
<i>Công trình thi công mở rộng Xa Lộ Hà Nội</i>	<i>40.249.472.642</i>	<i>-</i>	<i>17.841.907.146</i>	<i>-</i>
<i>Công trình thi công xây dựng đoạn 1 - Quốc lộ 60</i>	<i>32.746.566.457</i>	<i>-</i>	<i>6.086.293.129</i>	<i>-</i>
<i>Công trình thi công nhà máy cấp thoát nước huyện Củ Chi</i>	<i>8.989.857.218</i>	<i>-</i>	<i>9.559.367.603</i>	<i>-</i>
<i>Công trình thi công mở rộng tuyến tránh Phan Rang- Tháp Chàm tỉnh Ninh Thuận, giai đoạn 2</i>	<i>3.352.201.050</i>	<i>-</i>	<i>25.124.704.918</i>	<i>-</i>
<i>Các công trình khác</i>	<i>23.152.901.336</i>	<i>-</i>	<i>2.352.001.283</i>	<i>-</i>
<b>Cộng</b>	<b>386.741.828.987</b>	<b>-</b>	<b>336.946.955.920</b>	<b>-</b>

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	79.553.064	100.862.841
Chi phí thuê tài sản trả trước	41.220.900	41.220.900
	<b>120.773.964</b>	<b>142.083.741</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Chi phí làm đường công vụ thực hiện dự án	12.344.220.778	-
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.897.630.392	4.279.123.880
Chênh lệch giữa giá trị còn lại và giá trị thanh lý của TSCĐ bán và thuê lại theo hợp đồng thuê tài chính	2.255.639.318	3.007.519.091
Chi phí thuê thiết bị	-	9.701.700.418
<b>Cộng</b>	<b>17.497.490.488</b>	<b>16.988.343.389</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2017	10.721.230.800	9.608.607.452	736.300.000	21.066.138.252
Mua trong kỳ	-	3.873.000.000	-	3.873.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(53.000.000)	(53.000.000)
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>	<b>10.721.230.800</b>	<b>13.481.607.452</b>	<b>683.300.000</b>	<b>24.886.138.252</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2017	8.303.016.935	5.456.072.871	460.208.985	14.219.298.791
Khấu hao trong kỳ	620.585.397	536.847.740	44.591.019	1.202.024.156
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(4.372.500)	(4.372.500)
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>	<b>8.923.602.332</b>	<b>5.992.920.611</b>	<b>500.427.504</b>	<b>15.416.950.447</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2017	2.418.213.865	4.152.534.581	276.091.015	6.846.839.461
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>	<b>1.797.628.468</b>	<b>7.488.686.841</b>	<b>182.872.496</b>	<b>9.469.187.805</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 7.469.117.214 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 6.050.263.786 VND).

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 23, Công ty đã sử dụng một số máy móc thiết bị và phương tiện vận tải để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng. Nguyên giá của các tài sản được thế chấp tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2016 là 4.151.515.196 VND.

**14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc thiết bị VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2017	21.672.603.620
Thuê trong kỳ	11.637.272.727
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>	<b>33.309.876.347</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2017	1.816.932.301
Khấu hao trong kỳ	1.709.575.707
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>	<b>3.526.508.008</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 01/01/2017	19.855.671.319
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>	<b>29.783.368.339</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

MẪU SỐ B 09-DN

**15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm vi tính VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2017	160.000.000
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>	<b>160.000.000</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2017	105.031.974
Khấu hao trong kỳ	10.000.000
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>	<b>115.031.974</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 01/01/2017	54.968.026
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>	<b>44.968.026</b>

**16. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Quyền sử dụng đất VND	Giá trị nhà trên đất VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2017	5.836.987.368	1.042.048.528	6.879.035.896
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.042.048.528)	(1.042.048.528)
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>	<b>5.836.987.368</b>	-	<b>5.836.987.368</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2017	839.830.635	755.120.449	1.594.951.084
Thanh lý, nhượng bán	-	(755.120.449)	(755.120.449)
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>	<b>839.830.635</b>	-	<b>839.830.635</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2017	4.997.156.733	286.928.079	5.284.084.812
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>	<b>4.997.156.733</b>	-	<b>4.997.156.733</b>

Bất động sản đầu tư cuối kỳ là giá trị quyền sử dụng đất chờ tăng giá tại địa chỉ số 29/3, đường D2, phường 2, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh. Lô đất có thời hạn sử dụng là 50 năm, sẽ hết hạn sử dụng vào ngày 19 tháng 1 năm 2056 theo Quyết định số 1218/QĐ-UBND ngày 18 tháng 03 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Giá trị quyền sử dụng đất đã được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long như trình bày ở Thuyết minh số 23.



**ẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*uyệt minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	30/06/2017			01/01/2017		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>a. Đầu tư vào công ty con</b>						
Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia	55.200.000.000	-	-	-	-	-
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	40.000.000.000	-	-	40.000.000.000	-	-
Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng CII E&C	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000	-	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng dân dụng CII E&C	7.410.000.000	-	-	7.410.000.000	-	-
<b>b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>						
Trái phiếu phát hành	120.000.000.000	-	-	-	-	-
	<b>232.610.000.000</b>	-	-	<b>57.410.000.000</b>	-	-

Vào ngày 19 tháng 5 năm 2017, Công ty đã mua 120 trái phiếu do Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội phát hành với tổng mệnh giá là 120.000.000.000 đồng, mệnh giá mỗi trái phiếu là 1 tỷ đồng, kỳ hạn trái phiếu là 5 năm (đáo hạn ngày 19 tháng 5 năm 2022). Lãi suất trái phiếu được áp dụng theo lãi suất thả nổi, 3 tháng điều chỉnh 1 lần bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng dành cho cá nhân được công bố bởi Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam + biên độ 3.2%/năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

Các giao dịch với công ty con phát sinh trong năm như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
<b>Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi</b>		
Ứng trước tiền mua đá Granite	7.300.000.000	41.451.960.000
Công ty NBB hoàn trả lại tiền ứng mua đá Granite theo hợp đồng 95/HĐKT	-	14.151.960.000
Nhập kho đá granite	-	13.270.065.378
Thu tiền lợi nhuận được chia từ đầu tư	-	4.095.387.605
Thi công bốc tầng phủ	-	14.005.137.273
Thu tiền thi công bốc tầng phủ và cho thuê thiết bị	1.890.000.000	19.101.651.000
<b>Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng CII E&amp;C</b>		
Tạm ứng tiền mua vật tư	97.480.782.735	-
Vay chuyển tiền mua vật tư	165.797.545.444	-
Công ty VLXD CII E&C hoàn trả lại tiền	161.442.667.444	-
Nhập kho vật tư	86.458.906.153	-
Phải thu tiền chi hộ điện nước	91.927.988	-
Công ty VLXD CII E&C nhận nợ các công ty	417.047.548	-
<b>Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&amp;C</b>		
Tạm ứng chi phí thi công CT	43.413.983.703	-
Công ty XDDD CII E&C hoàn trả lại vốn thi công	101.000.000.000	-
Vay chuyển tiền cho Công ty XDDD	162.307.869.200	-
Công ty XDDD chuyển trả lại tiền	162.307.869.200	-
Thanh lý tài sản	1.033.370.183	-
Chi phí thi công lô 3.1 Thủ Thiêm	45.806.012.509	-
<b>Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia</b>		
Chi phí di dời trạm thu phí	3.586.922.455	-
Thu tiền cho thuê thiết bị	11.400.000	-
Cổ tức được chia	15.000.000.000	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng thanh toán VND
Phải trả các bên liên quan (i)	56.994.323.393	56.994.323.393	12.503.702.630	12.503.702.630
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng BMT	11.027.637.022	11.027.637.022	6.620.111.558	6.620.111.558
Công ty TNHH Xây dựng Fico Corea	6.309.804.405	6.309.804.405	6.092.689.472	6.092.689.472
Công ty Cổ phần ROADCO	6.023.462.821	6.023.462.821	3.390.807.713	3.390.807.713
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại An Phú Thành	-	-	9.227.568.100	9.227.568.100
Các nhà cung cấp khác	17.547.904.974	17.547.904.974	21.336.545.078	21.336.545.078
<b>Cộng</b>	<b>97.903.132.615</b>	<b>97.903.132.615</b>	<b>59.171.424.551</b>	<b>59.171.424.551</b>

*(i) Chi tiết các khoản phải trả các bên liên quan*

Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C	33.073.755.057	33.073.755.057	-	-
Công ty CP Kỹ thuật Enviro	22.528.305.086	22.528.305.086	12.503.702.630	12.503.702.630
Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia	1.392.263.250	1.392.263.250	-	-
<b>Cộng</b>	<b>56.994.323.393</b>	<b>56.994.323.393</b>	<b>12.503.702.630</b>	<b>12.503.702.630</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Công nợ với các bên liên quan	159.782.924.670	117.284.531.428
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng</i>		
<i>Xa lộ Hà Nội</i>	118.515.772.402	3.507.412.334
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật</i>		
<i>Thành phố Hồ Chí Minh</i>		113.777.119.094
<i>Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm</i>	29.165.352.062	-
<i>Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu</i>	12.101.800.206	-
Các đối tượng khác	5.499.057.006	9.247.147.506
<b>Cộng</b>	<b>165.281.981.676</b>	<b>126.531.678.934</b>

**20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2017 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	30/06/2017 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.581.480.532	9.013.105.211	3.326.449.633	8.268.136.110
Thuế thu nhập cá nhân	643.002.005	497.637.812	630.550.373	510.089.444
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Các khoản phải nộp khác	-	527.959.580	527.959.580	-
<b>Cộng</b>	<b>3.224.482.537</b>	<b>10.041.702.603</b>	<b>4.487.959.586</b>	<b>8.778.225.554</b>

**21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Chi phí lãi vay phải trả	2.142.218.210	1.483.386.683



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**22. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Kinh phí công đoàn		-
Bảo hiểm xã hội	217.878.914	1.500.459.174
Bảo hiểm y tế	38.550.679	85.581.500
Bảo hiểm thất nghiệp	17.349.878	37.590.148
Các khoản thu hộ các nhà thầu thi công Quốc lộ 1, tỉnh Ninh Thuận	19.499.026.442	23.842.307.577
Phải trả các đội giao khoán thi công các công trình xây dựng	10.088.495.743	19.150.275.544
Phải trả lãi vay	473.122.592	69.444.444
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	11.962.113	11.962.113
Phải trả về vốn hỗ trợ kinh doanh	183.719.232.707	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.920.646.864	2.042.600.690
<b>Cộng</b>	<b>215.986.265.932</b>	<b>46.740.221.190</b>

*Trong đó, phải trả các bên liên quan*

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	184.192.355.299	-
<b>Cộng</b>	<b>184.192.355.299</b>	<b>-</b>



**ẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*uyệt minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	30/06/2017		Phát sinh trong năm		01/01/2017	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
<b>gắn hạn</b>						
<b>khoản vay ngắn hạn</b>	<b>517.681.016.670</b>	<b>517.681.016.670</b>	<b>517.681.016.670</b>	<b>488.349.728.184</b>	<b>488.349.728.184</b>	<b>488.349.728.184</b>
n hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt						
1 - Chi nhánh Vĩnh Long (i)	373.762.140.992	373.762.140.992	373.762.140.992	290.612.318.761	290.612.318.761	290.612.318.761
n hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam -						
nhánh TP. Hồ Chí Minh (ii)	118.744.716.820	118.744.716.820	118.744.716.820	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000
n hàng TMCP Công Thương Việt Nam -						
nhánh 11, TP. Hồ Chí Minh (iii)	25.174.158.858	25.174.158.858	25.174.158.858	137.737.409.423	137.737.409.423	137.737.409.423
<b>thuê tài chính dài hạn đến hạn trả</b>	<b>9.394.874.250</b>	<b>9.394.874.250</b>	<b>6.067.748.005</b>	<b>3.327.127.338</b>	<b>6.654.253.583</b>	<b>6.654.253.583</b>
<b>ng</b>	<b>527.075.890.920</b>	<b>527.075.890.920</b>	<b>523.748.764.675</b>	<b>491.676.855.522</b>	<b>495.003.981.767</b>	<b>495.003.981.767</b>
<b>Dài hạn</b>						
ng ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc Tế						
t Nam	24.449.474.650	24.449.474.650	12.801.000.000	5.818.103.672	17.466.578.322	17.466.578.322
:: Số phải trả trong 12 tháng tới	(9.394.874.250)	(9.394.874.250)	(6.067.748.005)	(3.327.127.338)	(6.654.253.583)	(6.654.253.583)
<b>ng</b>	<b>15.054.600.400</b>	<b>15.054.600.400</b>	<b>6.733.251.995</b>	<b>2.490.976.334</b>	<b>10.812.324.739</b>	<b>10.812.324.739</b>

ổ dư nợ vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long là khoản vay theo hợp đồng tín dụng ký ngày 10 tháng 3 năm 2017 với hạn : vay ngắn hạn là 500.000.000.000 VND và bảo lãnh tối đa là 300.000.000.000 VND. Kỳ hạn của các khoản vay là từ dưới 6 tháng. Lãi suất vay cho các khoản vay còn nợ tại y khóa sổ lập báo cáo tài chính trong khoảng 6%-7,5%/năm. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động và thực hiện bảo lãnh thi công các công trình xây dựng. Công ty đã sử g quyền sử dụng đất và nhà văn phòng cho thuê tại số 29/3, đường D2, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh; hệ thống đúc hẫng; xe ô tô Honda (CRV) mang biển số 51A-.25; xe ô tô Ford (RANGER) mang biển số 51C-394.48 và xe ô tô Hyundai (SANTAFE) mang biển số: 51A-856.54 để đảm bảo cho khoản vay này.



**ÉT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*uyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Số dư nợ vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh là khoản vay theo hợp đồng cấp tín dụng ký ngày 11 tháng 5 năm 2017 với hạn mức vay là 120.000.000.000 VND, thời hạn của mỗi khoản vay là không quá 12 tháng. Số dư nợ vay sẽ đáo hạn vào ngày 22 tháng 3 năm 2018. Lãi suất vay được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ tuy nhiên không thấp hơn lãi suất ưu đãi của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh quy định theo thời kỳ. Lãi suất đang áp dụng cho số dư nợ vay là 7,5%/năm. Mục đích của khoản vay là để bảo lãnh và phát hành thư tín dụng để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của CII C với bên thứ 3. Công ty sử dụng tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tương đương trị giá 15 tỷ VND để đảm bảo cho khoản vay này.

Số dư nợ vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 11, Thành phố Hồ Chí Minh là khoản vay được thực hiện theo hợp đồng tín dụng ký ngày 28 tháng 4 năm 2016 với hạn mức vay là 150.000.000.000 VND. Kỳ hạn của mỗi khoản vay là không quá 6 tháng. Lãi suất cho vay của các khoản vay còn dư nợ là 7,5%/năm và được tính chính định kỳ mỗi tháng. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là quyền đòi nợ và thụ hưởng số tiền đòi nợ của các công trình xây dựng mà Công ty đã sử dụng vốn vay để thi công.

**VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>	<b>400.000.000.000</b>	<b>400.000.000</b>	<b>1.846.985.965</b>	<b>1.261.895.111</b>	<b>403.508.881.076</b>
Tăng vốn trong năm	15.000.000.000	-	-	-	15.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	53.457.016.233	53.457.016.233
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(723.118.446)	(723.118.446)
Thù lao cho Hội đồng quản trị	-	-	-	(350.666.666)	(350.666.666)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(5.800.532.217)	(5.800.532.217)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	4.644.152.124	(4.644.152.124)	-
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>	<b>415.000.000.000</b>	<b>400.000.000</b>	<b>6.491.138.089</b>	<b>43.200.441.891</b>	<b>465.091.579.980</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	40.352.442.207	40.352.442.207
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(8.032.429.727)	(8.032.429.727)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	5.354.953.151	(5.354.953.151)	-
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>	<b>415.000.000.000</b>	<b>400.000.000</b>	<b>11.846.091.240</b>	<b>70.165.501.220</b>	<b>497.411.592.460</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)  
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**Chi tiết vốn chủ sở hữu**

Tên cổ đông	30/06/2017		01/01/2017	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	51,00%	211.651.120.000	49,00%	203.351.120.000
Các cổ đông khác	49,00%	203.348.880.000	51,00%	211.648.880.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>415.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>415.000.000.000</b>

**Cổ phần**

	30/06/2017	01/01/2017
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	41.500.000	41.500.000
Số lượng cổ phần đã phát hành ra công chúng	41.500.000	41.500.000
+ Cổ phần phổ thông	41.500.000	41.500.000
Số lượng cổ phần đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phần phổ thông	-	-
Số lượng cổ phần đang lưu hành	41.500.000	41.500.000
+ Cổ phần phổ thông	41.500.000	41.500.000
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần		

**25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu từ hoạt động xây dựng	297.711.140.077	350.620.656.226
Doanh thu bán hàng	24.741.059.052	8.641.333.094
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	11.245.847.198	5.151.518.181
<b>Cộng</b>	<b>333.698.046.327</b>	<b>364.413.507.501</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Hàng bán trả lại	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>333.698.046.327</b>	<b>364.413.507.501</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ** (tiếp theo)

*Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan*

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận: <i>Khối lượng thi công công trình mở rộng tuyến tránh Phan Rang Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận - giai đoạn 2 và Khối lượng thi công công trình Trạm thu phí Cà ná</i>	33.663.876.777	25.263.717.114
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội: <i>Khối lượng thi công xây lắp các gói thầu dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội</i>	47.001.913.590	23.749.694.312
Công ty Đầu tư Hạ tầng VRG: <i>Khối lượng thi công xây lắp công trình DT 741 và duy tu hệ thống chiếu sáng DT 741</i>	25.129.122.424	-
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm: <i>Khối lượng thi công gói xây lắp 2 thuộc dự án Thủ Thiêm</i>	174.870.652.107	-
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu: <i>Khối lượng thi công dự án QL 60</i>	5.253.278.508	-
Công ty CP Đầu Tư Cầu Đường CII: <i>Thi công các gói thầu 09 Trạm thu phí QL 91 và cung cấp vật tư</i>	-	16.151.431.049
Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn: <i>Khối lượng thi công các gói thuộc dự án nhà máy nước Củ Chi</i>	11.792.296.671	26.694.959.209
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi: <i>Doanh thu cho thuê thiết bị</i>	1.620.218.182	4.587.272.727
Công ty TNHH MTV Vật Liệu Xây Dựng CII E&C: <i>Doanh thu cho thuê thiết bị</i>	1.202.181.817	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C: <i>Doanh thu cho thuê thiết bị</i>	7.142.412.963	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C: <i>Doanh thu bán cọc thép</i>	15.813.635.030	-
Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia: <i>Doanh thu cho thuê thiết bị</i>	15.545.454	-
<b>Cộng</b>	<b>323.505.133.523</b>	<b>96.447.074.411</b>

**26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Giá vốn hoạt động xây dựng	242.335.518.132	311.784.420.268
Giá vốn hàng đã bán	19.801.072.992	6.714.032.852
Giá vốn của dịch vụ	10.086.291.995	4.002.560.939
<b>Cộng</b>	<b>272.222.883.119</b>	<b>322.501.014.059</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

MÃ SỐ B 09-DN

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.553.590.850	14.011.838.977
Chi phí sử dụng vốn được hưởng từ nhà thầu Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.500.000.000 1.045.522.325	- 10.796.459.713
<b>Cộng</b>	<b>20.099.113.175</b>	<b>24.808.298.690</b>
<i>Trong đó, doanh thu phát sinh với các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	9.158.335.021	717.817.241
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	1.433.333.333	-
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	1.425.012.284	2.996.459.713
<b>Cộng</b>	<b>12.016.680.638</b>	<b>3.714.276.954</b>
28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí lãi vay	20.050.560.289	17.357.998.308
Lãi phải trả nợ thuê tài chính	804.709.532	528.169.718
<b>Cộng</b>	<b>20.855.269.821</b>	<b>17.886.168.026</b>
<i>Trong đó, doanh thu phát sinh với các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	2.192.355.299	6.534.522.552
29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.834.059.294	4.203.507.559
Chi phí đồ dùng văn phòng	105.995.226	186.464.059
Chi phí khấu hao	469.667.553	302.876.620
Chi phí công tác, tiếp khách	940.554.260	965.253.894
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	1.382.628.733
Chi phí bằng tiền khác	3.308.560.915	539.775.946
<b>Cộng</b>	<b>10.658.837.248</b>	<b>7.580.506.811</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

MÃU SỐ B 09-DN

**30. THU NHẬP KHÁC**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Xử lý các khoản nợ phải trả	31.148.400	1.978
Thu nhập khác	7.368.182	31.818.182
<b>Cộng</b>	<b>38.516.582</b>	<b>31.820.160</b>

**31. CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Các khoản truy thu và phạt hành chính về thuế	552.786.145	640.329.506
Phạt vi phạm giao thông	34.500.000	12.000.000
Các khoản phạt chậm nộp bảo hiểm xã hội	20.703.899	(250.566.232)
Chi phí thanh lý TSCD	88.837.952	-
Chi phí khác	36.310.482	-
<b>Cộng</b>	<b>733.138.478</b>	<b>401.763.274</b>

**32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>49.365.547.418</b>	<b>40.884.174.181</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Chi phí không được trừ	1.243.595.200	668.429.940
Thu nhập chưa tính thuế	(7.500.000.000)	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(1.425.012.284)	(10.796.459.713)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>41.684.130.334</b>	<b>30.756.144.408</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	8.336.826.067	6.151.228.882
Thuế TNDN năm trước nộp bổ sung	676.279.144	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>9.013.105.211</b>	<b>6.151.228.882</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

MÃU SỐ B 09-DN

**33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 23 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	725.849.724.027	505.816.306.506
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(408.011.995.958)	(202.296.251.690)
<b>Nợ thuần</b>	<b>317.837.728.069</b>	<b>303.520.054.816</b>
Vốn chủ sở hữu	497.411.592.460	465.091.579.980
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>64%</b>	<b>65%</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.499.367.999	27.225.375.665
Phải thu khách hàng	148.453.861.383	212.864.806.648
Phải thu về cho vay	406.512.627.959	175.070.876.025
Phải thu khác	71.484.382.078	110.399.500.527
Đầu tư tài chính ngắn hạn	161.001	161.001
Đầu tư tài chính dài hạn	232.610.000.000	57.410.000.000
<b>Cộng</b>	<b>860.560.400.420</b>	<b>582.970.719.866</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	725.849.724.027	505.816.306.506
Phải trả người bán	97.903.132.615	59.171.424.551
Các khoản phải trả khác	31.993.253.754	45.116.590.368
Chi phí phải trả	2.142.218.210	1.483.386.683
<b>Cộng</b>	<b>857.888.328.606</b>	<b>611.587.708.108</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng là các đơn vị cùng chung tập đoàn và hoạt động trong nhiều ngành khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>			
<b>Tài sản tài chính</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.499.367.999	-	1.499.367.999
Phải thu khách hàng và phải thu khác	215.765.222.620	4.173.020.841	219.938.243.461
Phải thu về cho vay	406.512.627.959	-	406.512.627.959
Đầu tư tài chính ngắn hạn	161.001	-	161.001
Đầu tư tài chính dài hạn	-	232.610.000.000	232.610.000.000
<b>Cộng</b>	<b>623.777.379.579</b>	<b>236.783.020.841</b>	<b>860.560.400.420</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>			
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	710.795.123.627	15.054.600.400	725.849.724.027
Phải trả người bán và phải trả khác	129.896.386.369	-	129.896.386.369
Chi phí phải trả	2.142.218.210	-	2.142.218.210
<b>Cộng</b>	<b>842.833.728.206</b>	<b>15.054.600.400</b>	<b>857.888.328.606</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(219.056.348.627)</b>	<b>221.728.420.441</b>	<b>2.672.071.814</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>			
<b>Tài sản tài chính</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.225.375.665	-	27.225.375.665
Phải thu khách hàng và phải thu khác	305.398.442.334	17.865.864.841	323.264.307.175
Phải thu về cho vay	175.070.876.025	-	175.070.876.025
Đầu tư tài chính ngắn hạn	161.001	-	161.001
Đầu tư tài chính dài hạn	-	57.410.000.000	57.410.000.000
<b>Cộng</b>	<b>507.694.855.025</b>	<b>75.275.864.841</b>	<b>582.970.719.866</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>			
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	492.444.255.506	13.372.051.000	505.816.306.506
Phải trả người bán và phải trả khác	104.288.014.919	-	104.288.014.919
Chi phí phải trả	1.483.386.683	-	1.483.386.683
<b>Cộng</b>	<b>598.215.657.108</b>	<b>13.372.051.000</b>	<b>611.587.708.108</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(90.520.802.083)</b>	<b>61.903.813.841</b>	<b>(28.616.988.242)</b>

Mặc dù chênh lệch thanh khoản thuần của các công cụ tài chính có kỳ hạn dưới 1 năm bị âm nhưng với tiến độ thi công và thanh toán khối lượng hoàn thành từ các chủ đầu tư hiện tại, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã phát sinh giao dịch với các bên liên quan sau:

<b>Tên</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	Công ty con
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng CII E&C	Công ty con
Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C	Công ty con
Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia	Công ty con
Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Hạ Tầng VRG	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty CP Kỹ thuật Enviro	Công ty trong cùng tập đoàn

Ngoài các giao dịch làm phát sinh các khoản doanh thu và chi phí đã được trình bày tại các Thuyết minh tương ứng ở trên, trong kỳ Công ty còn có các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh</b>		
Nhận vốn hợp tác đầu tư thi công dự án từ công ty mẹ theo hợp đồng 98/HĐHTĐT-CII	220.000.000.000	304.400.000.000
Hoàn trả vốn hợp tác đầu tư thi công dự án cho công ty mẹ theo hợp đồng 98/HĐHTĐT-CII	217.594.656.182	335.766.138.740
Hỗ trợ vốn hợp tác đầu tư cho công ty mẹ theo hợp đồng 41/2016	234.000.000.000	-
Công ty mẹ hoàn trả vốn hợp tác đầu tư theo hợp đồng 41/2016	2.483.030.439	-
Nhận vốn hợp tác đầu tư thi công dự án từ công ty mẹ theo hợp đồng 18/2017	200.000.000.000	-
Hoàn trả vốn hợp tác đầu tư thi công dự án cho công ty mẹ theo hợp đồng 18/2017	18.686.111.111	-
Trả chi phí sử dụng vốn cho công ty mẹ theo hợp đồng 98/HĐHTĐT-CII	405.343.818	11.832.596.880
Trả chi phí sử dụng vốn cho công ty mẹ theo hợp đồng 18/2017	1.313.888.889	-
Thu chi phí sử dụng vốn từ công ty mẹ theo hợp đồng 41/2016	3.516.969.561	-
Chuyển tiền cổ tức	-	8.000.000.000
	1.028.837.608	178.443.097.222



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội</b>		
<i>Thu tiền khối lượng thi công xây lắp các gói thầu dự án mở rộng Xa Lộ Hà Nội</i>	166.710.465.018	60.653.901.728
<i>Mua trái phiếu</i>	120.000.000.000	-
<b>Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận:</b>		
<i>Thu tiền khối lượng thi công công trình mở rộng Quốc lộ 1A</i>	10.918.582.259	94.511.633.373
<i>Chuyển tiền thực hiện công trình Trạm thu phí Cà Ná</i>	-	1.071.452.705
<i>Thu tiền khối lượng thi công trạm thu phí Cà Ná</i>	8.230.102.261	18.455.590.185
<b>Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn:</b>		
<i>Thu tiền khối lượng thi công dự án Cù Chi</i>	46.645.464.000	13.805.539.970
<i>Thanh toán tiền khắc phục sự cố</i>	12.843.000	-
<b>Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm</b>		
<i>Thu tiền thi công dự án Thủ Thiêm</i>	155.723.980.223	-
<b>Công ty Đầu tư Hạ tầng VRG:</b>		
<i>Thu tiền thi công dự án Thủ Thiêm</i>	17.719.615.211	-
<b>Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu</b>		
<i>Thu tiền thi công dự án QL60</i>	17.880.406.565	-
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII:</b>		
<i>Thu tiền cổ tức nhận được từ đầu tư vào Công ty Cơ khí Điện Lữ Gia</i>	-	7.800.000.000
<i>Chuyển sang đầu tư vào Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia</i>	78.000.000.000	-
<b>Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro:</b>		
<i>Nhập kho ống và phụ kiện</i>	9.113.274.960	-
<b>Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng:</b>		
<i>Chi phí thi công sơn đường, vệ sinh mặt đường</i>	306.222.727	-



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII  
185 đường Hoa Lan, phường 2, quận Phú Nhuận  
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017  
đến ngày 30/06/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*


**34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
--	--

<u>659.826.553</u>	<u>360.000.000</u>
--------------------	--------------------

Lương và thưởng



Nguyễn Thị Khánh Phương  
Người lập biểu  
Ngày 15 tháng 8 năm 2017



Bùi Xuân Phước  
Kế toán trưởng



Phạm Vũ Thúc  
Tổng Giám đốc